



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ
THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013



MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách - Thiết bị Trường học Nam Định thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 01 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 18/06/2007.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DST. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu là 16/10/2007.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến 31/12/2013: 10.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 13 Minh Khai, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định
- Điện thoại: (84) 0350.849498
- Fax: (84) 0350.839121
- Website: www.sachnamdinh.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Kinh doanh sách giáo khoa và các loại thiết bị khác, sách khác;
- Sản xuất, kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm;
- Liên doanh, liên kết, phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 19 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 2 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng Quản trị

- | | | |
|----------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Đặng Quốc Toàn | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 11/11/2013 |
| | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/04/2013 |
| • Ông Trần Văn Điệp | | Miễn nhiệm ngày 11/11/2013 |
| | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 09/04/2010 |
| | | Miễn nhiệm ngày 11/11/2013 |
| | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 11/11/2013 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- | | | |
|------------------------|---------|------------------------------|
| • Bà Hứa Thị Anh Đào | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 09/04/2010 |
| • Ông Trần Quốc Hưng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 09/04/2010 |
| • Ông Đoàn Quyết Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 09/04/2010 |
| • Ông Nguyễn Minh Hoàn | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 19/04/2012 |
| | | Miễn nhiệm ngày 26/04/2013 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Ngọc Doanh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 09/04/2010 |
| • Bà Trần Thị Ngọc Anh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 09/04/2010 |
| • Bà Trần Thị Sợi | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 09/04/2010 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------|---------------------|------------------------------|
| • Ông Trần Quốc Hưng | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/06/2013 |
| | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 09/01/2012 |
| | | Miễn nhiệm ngày 15/06/2013 |
| • Ông Trần Văn Điệp | Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 09/04/2010 |
| | | Miễn nhiệm ngày 15/06/2013 |
| • Bà Hứa Thị Anh Đào | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 09/04/2010 |
| | Kiểm Kế toán trưởng | |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 511.3655886; Fax: (84) 511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Giám đốc Công ty được ủy quyền phê duyệt Báo cáo tài chính theo Nghị quyết số 17/NQHĐQT ngày 29/11/2013 của Hội đồng quản trị.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Trần Quốc Hưng

Nam Định, ngày 07 tháng 03 năm 2014



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 134/2014/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25/02/2014 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 22.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với các loại sách, văn phòng phẩm chậm luân chuyển, khó tiêu thụ. Số dự phòng cần phải trích lập bổ sung là 91.306.122 đồng. Việc ghi nhận giá trị hàng tồn kho như trên là chưa đảm bảo nguyên tắc thận trọng của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Nếu hạch toán số dự phòng nêu trên vào báo cáo tài chính, khoản mục "Hàng tồn kho" (Mã số 140) của Bảng cân đối kế toán sẽ giảm đi 91.306.122 đồng. Đồng thời trên Báo cáo kết quả kinh doanh, chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" sẽ tăng lên 91.306.122 đồng; Chỉ tiêu "Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành" và "Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp" sẽ giảm đi lần lượt là 22.826.531 đồng và 68.479.591 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” thì các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Trọng Hiếu

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ hành nghề số 0391-2013-010-1

Lâm Quang Tú

Kiểm toán viên

Chứng chỉ hành nghề số 1031-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.992.388.980	10.327.073.264
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.025.729.105	712.987.720
1. Tiền	111	5	3.025.729.105	712.987.720
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.319.671.733	7.278.270.903
1. Phải thu khách hàng	131		6.224.477.273	7.266.090.971
2. Trả trước cho người bán	132		95.194.460	-
3. Các khoản phải thu khác	135		-	12.179.932
IV. Hàng tồn kho	140		1.593.814.440	1.941.198.363
1. Hàng tồn kho	141	6	1.626.013.440	2.002.361.363
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(32.199.000)	(61.163.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		53.173.702	394.616.278
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	290.142.682
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	12.237.396
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	53.173.702	92.236.200
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.499.390.159	4.441.250.257
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.499.390.159	4.441.250.257
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	4.499.390.159	4.441.250.257
- Nguyên giá	222		6.249.788.087	6.049.880.614
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.750.397.928)	(1.608.630.357)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	24.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(24.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		15.491.779.139	14.768.323.521

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.611.177.391	4.069.918.545
I. Nợ ngắn hạn	310		4.611.177.391	4.069.918.545
1. Phải trả người bán	312		4.455.189.941	3.779.471.197
2. Người mua trả tiền trước	313		22.030.657	2.960.267
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	121.430.697	34.211.054
4. Phải trả người lao động	315		847.383	3.889.850
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10	7.778.748	245.486.212
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.899.965	3.899.965
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10.880.601.748	10.698.404.976
I. Vốn chủ sở hữu	410		10.880.601.748	10.698.404.976
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	11	10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	11	414.720.000	414.720.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	11	239.768.370	239.768.370
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	11	119.778.873	119.778.873
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	11	106.334.505	(75.862.267)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		15.491.779.139	14.768.323.521

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Trần Quốc Hưng

Hứa Thị Anh Đào

Hứa Thị Anh Đào

Nam Định, ngày 25 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	12	30.968.135.972	26.457.043.008
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	12	-	64.874.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	12	30.968.135.972	26.392.169.008
4. Giá vốn hàng bán	11	13	28.348.761.901	23.974.864.600
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		2.619.374.071	2.417.304.408
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	172.599.477	66.051.500
7. Chi phí tài chính	22	15	61.333.333	17.236.110
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		61.333.333	17.236.110
8. Chi phí bán hàng	24		1.500.763.480	1.550.647.130
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		987.755.073	978.548.967
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		242.121.662	(63.076.299)
11. Thu nhập khác	31	16	52.372.225	125.404.064
12. Chi phí khác	32		2.927	46.392.512
13. Lợi nhuận khác	40		52.369.298	79.011.552
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	17	294.490.960	15.935.253
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17	112.294.188	91.797.520
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	17	182.196.772	(75.862.267)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	182	(76)

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Trần Quốc Hưng

Hứa Thị Anh Đào

Hứa Thị Anh Đào

Nam Định, ngày 25 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	32.205.848.626	25.951.252.743
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(28.575.355.846)	(24.259.802.363)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(842.835.767)	(769.033.311)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(61.333.333)	(17.236.110)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(39.211.054)	(143.604.442)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	153.173.644	79.416.680
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(532.840.885)	(527.947.496)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.307.445.385	313.045.701
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	-	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.296.000	9.296.500
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.296.000	9.296.500
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.000.000.000	500.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.000.000.000)	(500.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.312.741.385	22.342.201
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	712.987.720	690.645.519
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.025.729.105	712.987.720

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Trần Quốc Hưng

Hứa Thị Anh Đào

Hứa Thị Anh Đào

Nam Định, ngày 25 tháng 02 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách - Thiết bị Trường học Nam Định thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Quyết định số 8588/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 01 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 18/06/2007.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DST. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu là 16/10/2007.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Kinh doanh sách giáo khoa và các loại thiết bị khác, sách khác;
- Sản xuất, kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm;
- Liên doanh, liên kết, phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chứng từ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50
Phương tiện vận tải	8 - 9
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 7

4.5 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là năm năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.6 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra. Đối với công cụ, dụng cụ được phân bổ không quá 2 năm.

4.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.9 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.10 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.12 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Thiết bị dạy học, từ điển: Áp dụng mức thuế suất 5%;
 - ✓ Các tài liệu khác như vở, nhãn, mẫu biểu, thiết bị khác...: Áp dụng thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 25%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.13 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	383.031.912	660.771.049
Tiền gửi ngân hàng	2.642.697.193	52.216.671
Cộng	3.025.729.105	712.987.720

6. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng hóa	1.626.013.440	2.002.361.363
Cộng	1.626.013.440	2.002.361.363

@ Tại thời điểm 31/12/2013, hàng tồn kho của Công ty tồn tại nhiều loại sách, văn phòng phẩm chậm luân chuyển, khó tiêu thụ. Giá gốc tương ứng của lượng hàng tồn kho này là 1.104.583.735 đồng (chiếm 7% tổng tài sản). Công ty chưa tiến hành đánh giá mức độ giảm giá đối với lượng hàng tồn kho này để có cơ sở trích lập dự phòng.

7. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng	53.173.702	92.236.200
Cộng	53.173.702	92.236.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	4.690.572.303	687.247.857	672.060.454	6.049.880.614
Tăng khác	300.282.627	-	-	300.282.627
Giảm theo TT45	15.922.340	-	84.452.814	100.375.154
Số cuối năm	4.974.932.590	687.247.857	587.607.640	6.249.788.087
Khấu hao				
Số đầu năm	580.916.235	448.758.780	578.955.342	1.608.630.357
Khấu hao trong năm	106.170.697	60.866.970	75.105.058	242.142.725
Giảm theo TT45	15.922.340	-	84.452.814	100.375.154
Số cuối năm	671.164.592	509.625.750	569.607.586	1.750.397.928
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	4.109.656.068	238.489.077	93.105.112	4.441.250.257
Số cuối năm	4.303.767.998	177.622.107	18.000.054	4.499.390.159

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 738.512.370 đồng.

Không có TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2013.

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	8.218.069	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	107.294.188	34.211.054
Thuế thu nhập cá nhân	5.918.440	-
Cộng	121.430.697	34.211.054

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	2.734.212	3.534.212
Bảo hiểm xã hội	5.014.536	-
Phải trả phí phát hành	-	208.760.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.000	33.192.000
Cộng	7.778.748	245.486.212

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

11. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2012	10.000.000.000	414.720.000	239.768.370	119.778.873	422.252.634
Tăng trong năm	-	-	-	-	(75.862.267)
Giảm trong năm	-	-	-	-	422.252.634
Số dư tại 31/12/2012	10.000.000.000	414.720.000	239.768.370	119.778.873	(75.862.267)
Số dư tại 01/01/2013	10.000.000.000	414.720.000	239.768.370	119.778.873	(75.862.267)
Tăng trong năm	-	-	-	-	182.196.772
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2013	10.000.000.000	414.720.000	239.768.370	119.778.873	106.334.505

b. Cổ phiếu

	31/12/2013 Cổ phiếu	31/12/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: (10.000VND/CP)		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(75.862.267)	422.252.634
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	182.196.772	(75.862.267)
Phân phối lợi nhuận	-	422.252.634
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	422.252.634
- Trả cổ tức cho cổ đông	-	300.000.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	122.252.634
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	106.334.505	(75.862.267)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***12. Doanh thu**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng doanh thu	30.968.135.972	26.457.043.008
+ Doanh thu bán sách giáo khoa	22.354.666.304	17.625.201.259
+ Doanh thu bán sách tham khảo, tạp chí	6.508.777.891	6.411.593.916
+ Doanh thu bán thiết bị giáo dục, tranh ảnh	701.590.912	528.696.409
+ Doanh thu bán vở học sinh, văn phòng phẩm, khác	1.403.100.865	1.891.551.424
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	64.874.000
+ Hàng bán bị trả lại	-	64.874.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.968.135.972	26.392.169.008

13. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	28.377.725.901	23.988.467.600
- Giá vốn sách giáo khoa	21.207.620.107	16.405.422.118
- Giá vốn sách tham khảo, tạp chí	5.430.994.031	5.505.631.717
- Giá vốn thiết bị giáo dục, tranh ảnh	541.859.730	423.419.063
- Giá vốn vở học sinh, văn phòng phẩm, khác	1.197.252.033	1.653.994.702
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(28.964.000)	(13.603.000)
Cộng	28.348.761.901	23.974.864.600

14. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.296.000	9.296.500
Chiết khấu thanh toán được hưởng	167.303.477	56.755.000
Cộng	172.599.477	66.051.500

15. Chi phí tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	61.333.333	17.236.110
Cộng	61.333.333	17.236.110

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Thu nhập khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập từ thanh lý sách lỗi thời, hư hỏng	-	354.545
Chiết khấu được hưởng	51.213.900	112.722.332
Các khoản thu nhập khác	1.158.325	12.327.187
Cộng	52.372.225	125.404.064

17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	294.490.960	15.935.253
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	154.685.790	179.556.485
Điều chỉnh tăng	154.685.790	179.556.485
- <i>Nộp phạt thuế</i>	-	13.106.855
- <i>Phí quản lý cổ đông</i>	20.000.000	20.000.000
- <i>Chi phí không hợp lệ khác</i>	134.685.790	146.449.630
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	449.176.750	195.491.738
Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	112.294.188	48.872.935
Thuế TNDN được miễn giảm	-	14.661.881
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	112.294.188	91.797.520
- <i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ này</i>	112.294.188	34.211.054
- <i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu các năm trước</i>	-	57.586.466
Lợi nhuận sau thuế TNDN	182.196.772	(75.862.267)

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	182.196.772	(75.862.267)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- <i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
- <i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	182.196.772	(75.862.267)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	182	(76)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***19. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân công	999.176.612	880.772.126
Chi phí khấu hao tài sản cố định	242.142.725	258.032.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	820.240.016	935.101.691
Chi phí khác bằng tiền	426.959.200	455.290.266
Cộng	<u>2.488.518.553</u>	<u>2.529.196.097</u>

20. Công cụ tài chính**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó rủi ro về biến động lãi suất của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Tuy nhiên, giá mua các loại hàng hóa trong lĩnh vực giáo dục tương đối ổn định nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các Phòng Giáo dục và các đại lý trong tỉnh. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, tình hình thanh khoản kịp thời. Do đó, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	4.455.189.941	-	4.455.189.941
Phải trả khác	30.000	-	30.000
Cộng	4.455.219.941	-	4.455.219.941
31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	3.779.471.197	-	3.779.471.197
Phải trả khác	241.952.000	-	241.952.000
Cộng	4.021.423.197	-	4.021.423.197

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.025.729.105	-	3.025.729.105
Phải thu khách hàng	6.224.477.273	-	6.224.477.273
Cộng	9.250.206.378	-	9.250.206.378
31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	712.987.720	-	712.987.720
Phải thu khách hàng	7.266.090.971	-	7.266.090.971
Cộng	7.979.078.691	-	7.979.078.691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

21. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

22. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sách TBTH Hà Tây	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư và PTGD Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung Công ty đầu tư

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Mua hàng			
Công ty Cổ phần Đầu tư và PTGD Hà Nội	Mua sách các loại	6.963.226.625	5.757.210.036
Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Bắc	Mua sách các loại	8.392.574.236	5.589.699.656
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Mua sách các loại	54.719.600	107.585.520
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội	Mua sách các loại	361.467.000	595.663.230
Công ty Cổ phần Sách TBTH Hà Tây	Mua sách các loại	1.491.889.975	-
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Mua sách các loại	1.929.973.797	1.370.017.078
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Tranh ảnh, bản đồ	408.704.358	12.983.560

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan tại ngày 31/12/2013

Công ty liên quan	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và PTGD Hà Nội	Ứng trước tiền hàng 95.194.460	-
	Phải trả người bán -	309.037.626
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán 106.461.500	595.663.230
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Phải trả người bán 8.704.358	-

d. Thù lao của Hội đồng quản trị, lương của Ban Giám đốc trong năm

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lương Ban Giám đốc	149.700.132	161.043.786
- Giám đốc	67.846.686	63.816.670
- Phó Giám đốc	81.853.446	97.227.116
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-

23. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

24. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi AAC.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Trần Quốc Hưng

Hứa Thị Anh Đào

Hứa Thị Anh Đào

Nam Định, ngày 25 tháng 02 năm 2014